

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG LAT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG LAT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LAT TECHNOLOGY AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LAT TECH AND CONS CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108269503

3. Ngày thành lập: 11/05/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu đất dịch vụ LK20a, LK20b, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
2.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
3.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
4.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
5.	Xuất bản phần mềm	5820
6.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
7.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
8.	Quảng cáo	7310
9.	Cho thuê xe có động cơ	7710
10.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
11.	Đại lý du lịch	7911
12.	Điều hành tua du lịch	7912
13.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các hàng hóa theo quy định của pháp luật.	8299
15.	In ấn	1811
16.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
17.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
18.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
19.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
20.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
21.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
22.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
23.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
24.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
25.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
26.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
27.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
28.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
29.	Bán mô tô, xe máy	4541
30.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
31.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
32.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
33.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;	4669
34.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
35.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
36.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
37.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ	4789
38.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
39.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
40.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142

41.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
42.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
43.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
44.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
45.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
46.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
47.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
48.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
49.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
50.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
51.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
52.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
53.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
54.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
55.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
56.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
57.	Xây dựng nhà các loại	4100
58.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
59.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính, cài đặt phần mềm máy tính; Dịch vụ tư vấn liên quan tới lắp đặt phần cứng máy tính	6209
60.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
61.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
62.	Sản xuất sợi	1311
63.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
64.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
65.	Bán buôn gạo	4631
66.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
67.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
68.	Chăn nuôi lợn	0145
69.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
70.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
71.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313

72.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
73.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
74.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
75.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
76.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
77.	Bán buôn đồ uống	4633
78.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
79.	Phá dỡ	4311
80.	Lắp đặt hệ thống điện	4321(Chính)
81.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
82.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
83.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
84.	Bán buôn thực phẩm	4632
85.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
86.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
87.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
88.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
89.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
90.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
91.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
92.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
93.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
94.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
95.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
96.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
97.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
98.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
99.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
100.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
101.	Sản xuất đường	1072
102.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
103.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
104.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
105.	Sản xuất giày dép	1520
106.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702

107.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
108.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
109.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
110.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
111.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
112.	Chăn nuôi gia cầm	0146
113.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
114.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
115.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
116.	Sản xuất đồng hồ	2652
117.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
118.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
119.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
120.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
121.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
122.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
123.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
124.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
125.	Lập trình máy vi tính	6201
126.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
127.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
128.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Dạy máy tính; Dạy ngoại ngữ	8559

6. Vốn điều lệ: 4.800.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN TRỌNG HỒI	Tổ 33 Cụm 5, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.632.000.000	34,000	026082001617	
2	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	Thôn 8, Xã Cẩm Quang, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	1.584.000.000	33,000	183386770	
3	NGUYỄN SƠN HÀ	Thôn Phú Uyên, Xã Thái Tân, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	1.584.000.000	33,000	151361346	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN TRỌNG HỒI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/07/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 026082001617

Ngày cấp: 04/02/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 33 Cụm 5, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 1905 CT8A, Khu đô thị mới Dương Nội, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội